

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 73/2008/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại tờ trình số 8926/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 và công văn số 8576/UBND-TH ngày 23 tháng 10 năm 2007, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 9398/BKH-TĐ&GSĐT ngày 21 tháng 12 năm 2007 và công văn số 2577/BKH-TĐ&GSĐT ngày 10 tháng 4 năm 2008 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Đồng Nai là một cực tăng trưởng kinh tế của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, cần phát huy điều kiện xuất phát điểm phát triển đã có, kết hợp nội lực với các nguồn lực bên ngoài, chủ động nắm bắt thời cơ hội nhập để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hơn nữa vai trò động lực và đóng góp của Tỉnh vào phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng đất và hiệu quả vốn đầu tư để tăng GDP. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế kết hợp với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Chuyển đổi nhanh cơ cấu sản phẩm theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật, đón trước công nghệ tiên tiến, hiện đại để nâng cao sức cạnh tranh của công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp. Phát triển nhanh một số ngành công nghiệp, dịch vụ mũi nhọn có thể trở thành ngành kinh tế chủ lực để thúc đẩy và tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong các giai đoạn sau 2010, đồng thời phát huy vai trò lan toả về công nghiệp và dịch vụ của Tỉnh với vai trò là một trong những đầu tàu lôi kéo phát triển kinh tế của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm công bằng và dân chủ xã hội, sử dụng hợp lý tài nguyên và môi trường.
- Phát triển kinh tế - xã hội phối hợp với quá trình phát triển chung của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, hợp tác chặt chẽ với các tỉnh, thành trong vùng để phát triển xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, toàn diện và bền vững các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội và bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Đồng Nai trở thành Trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn và hiện đại của khu vực phía Nam; phấn đấu đến năm 2010 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2015 trở thành tỉnh cơ bản công nghiệp hoá - hiện đại hoá, năm 2020 thành tỉnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong từng giai đoạn 5 năm cao gấp hơn 1,3 - 1,4 lần mức bình quân chung của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Tốc độ tăng trưởng bình quân năm trong các giai đoạn:

+ Giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt 14% - 14,5%;

+ Giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14,5% - 15%;

+ Giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,5% - 14%.

- GDP bình quân đầu người (tính theo giá hiện hành) vào năm 2010 đạt 1.590 USD, năm 2015 đạt 3.270 USD và đến năm 2020 đạt 6.480 USD;

- Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, cụ thể:

+ Năm 2010: công nghiệp 57% - dịch vụ 34% - nông nghiệp 9%;

+ Năm 2015: công nghiệp 55% - dịch vụ 40% - nông nghiệp 5%;

+ Năm 2020: công nghiệp 51% - dịch vụ 46% - nông nghiệp 3%.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 20% - 22% giai đoạn đến năm 2010 và tăng 18% - 20% giai đoạn 2011 - 2020;

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm so với GDP giai đoạn từ nay đến năm 2010 chiếm 24% - 25%, giai đoạn 2011 - 2020 chiếm 25% - 27%;

- Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt khoảng 101.000 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 đạt khoảng 210.000 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 386.000 tỷ đồng.

b) Mục tiêu về văn hoá, xã hội

- Quy mô dân số: năm 2010 khoảng 2,5 triệu người, năm 2015 khoảng 2,7 triệu người và năm 2020 khoảng 2,8 - 2,9 triệu người;

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: năm 2010 xuống còn 1,15%; năm 2015 xuống còn 1,1% và năm 2020 xuống còn 1%;

- Hoàn thành phổ cập bậc trung học phổ thông đến năm 2010;

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: năm 2010 dưới 15%, năm 2015 dưới 10% và năm 2020 dưới 5%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 2006 - 2010 từ 9,8% năm 2005 xuống dưới 4% vào năm 2010 và xoá nghèo trong giai đoạn 2011 - 2015;

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010 đạt 53% - 55%, năm 2015 đạt trên 60% và đến năm 2020 đạt trên 70%;

- Giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị xuống dưới 2,8% vào năm 2010 và dưới 2% trong giai đoạn 2015 - 2020;
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá đạt trên 96% vào năm 2010 và giai đoạn 2011 - 2020 trên 98%;
- Nâng tuổi thọ trung bình của dân số năm 2010 lên 76 tuổi, năm 2015 lên 77 tuổi và năm 2020 lên 78 tuổi;
- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 98% vào năm 2010 và đến năm 2020 đạt 100%.

c) Mục tiêu về môi trường

- Đến năm 2010 nâng tỷ lệ che phủ của cây xanh đạt 50%, trong đó độ che phủ của rừng đạt 30%. Đến năm 2015 tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 51%, năm 2020 đạt 52%;
- Đến năm 2010 thu gom và xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp không độc hại đạt 70 - 80% và 100% đến năm 2015. Rác thải y tế đạt 100% và chất thải rắn độc hại trên 60% vào năm 2010, 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020;
- Tỷ lệ hộ dùng nước sạch đạt trên 95% vào năm 2010, năm 2015 đạt trên 99% và đến năm 2020 đạt 100%.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Công nghiệp

a) Phát triển công nghiệp theo hướng mở rộng qui mô đi kèm với chuyển đổi nhanh cơ cấu sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh bền vững cho công nghiệp trong quá trình hội nhập;

b) Ưu tiên thu hút đầu tư các ngành công nghiệp mũi nhọn, có khả năng cạnh tranh:

- Nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch, ngói...);
- Nhóm sản phẩm gốm, sứ, gạch men (gốm mỹ nghệ, sứ dân dụng và công nghiệp, gạch men);
- Nhân hạt điều và các loại khác;
- Thức ăn chăn nuôi;
- Bột ngọt;
- Vải sợi các loại;
- Quần áo may sẵn và sản phẩm phụ kiện;
- Giày dép và sản phẩm phụ kiện;
- Hoá dược và nông dược (cho người và động, thực vật);
- Nhựa và các sản phẩm từ nhựa;
- Máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Ô tô, xe máy và sản xuất linh kiện, phụ tùng;
- Dây và cáp điện các loại;
- Máy móc thiết bị điện công nghiệp;
- Sản xuất linh kiện điện tử và máy móc thiết bị điện tử, tin học, viễn thông;

- Sản phẩm chế biến từ gỗ.

c) Phát triển các khu công nghiệp đồng bộ với phát triển dịch vụ, đô thị, phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người lao động nhất là nhà ở cho công nhân và bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong các khu công nghiệp và hình thành một số khu, cụm công nghiệp chuyên ngành.

- Đến năm 2010 xây dựng và phát triển 34 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 12.779 ha, trong đó có Khu đô thị công nghệ cao Long Thành với diện tích 2.000 ha. Xây dựng và phát triển 47 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.136 ha;

- Đến năm 2015 xây dựng và phát triển 40 đến 42 khu công nghiệp (tổng diện tích 13.000 - 14.000 ha); củng cố và mở rộng các cụm công nghiệp đã có (mở rộng diện tích lên 2.500 - 3.000 ha), chỉ xây dựng thêm cụm công nghiệp mới khi cần đảm bảo hiệu quả đầu tư và đã có nhu cầu đầu tư, đồng thời phát triển dần các cụm công nghiệp thành khu công nghiệp;

- Đến năm 2020 xây dựng và phát triển 45 đến 47 khu công nghiệp (tổng diện tích 15.000 - 16.000 ha); chuyển dần các cụm công nghiệp có đủ điều kiện thành các khu công nghiệp.

d) Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18,4%; 17,5% và 16,5% trong các giai đoạn 2006 - 2010, 2011 - 2015 và 2016 - 2020. Sản phẩm công nghiệp công nghệ cao và tiên tiến chiếm trên 75% và trên 85% giá trị sản xuất đến 2015 và 2020.

2. Nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát huy điều kiện đất đai, sinh thái kết hợp với nâng cấp hệ thống thủy lợi, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến và đổi mới mô hình sản xuất để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hoá. Tập trung phát triển các nông sản hàng hoá chủ lực như rau quả chất lượng cao, cây ăn trái đặc sản, cây công nghiệp, sản phẩm chăn nuôi.

- Xây dựng và phát triển các mô hình kinh doanh sản xuất nông nghiệp, các khu công nghiệp công nghệ cao và các mô hình kinh tế trang trại, hợp tác xã chăn nuôi, trồng trọt có mức độ chuyên môn hoá và thâm canh cao.

- Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tăng bình quân 5,2%; 4,6% và 4% trong các giai đoạn 2006 - 2010, 2011 - 2015 và 2016 - 2020.

3. Thương mại - dịch vụ

Phát triển lĩnh vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế để thúc đẩy phát triển toàn diện và cân đối các ngành, lĩnh vực kinh tế và xã hội. Nâng GDP dịch vụ bình quân đầu người của tỉnh lên 500 USD/người vào năm 2010, 1200 USD/người vào năm 2015 và 2.800 USD/người vào năm 2020.

- Dịch vụ vận tải - kho bãi: khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách, tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển hàng năm lên 75 - 80 triệu tấn vào năm 2015 và 130 - 140 triệu tấn vào năm 2020. Xây dựng tổng kho trung chuyển miền Đông cho cả vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin: phát triển mạng dịch vụ điện thoại đến năm 2015 có 80 - 90 máy/100 dân và đến năm 2020 có 110 - 120 máy/100 dân. Phát triển mạng dịch vụ Internet đến năm 2015 có 25 - 30 thuê bao Internet/100 dân và đến năm 2020 có 35 - 40 thuê bao Internet/100 dân.

- Dịch vụ tài chính - tín dụng: đẩy mạnh phát triển dịch vụ tài chính - tín dụng với tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 22%/năm - 23%/năm trong thời kỳ từ nay đến năm 2015 và 19%/năm - 20%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung phát triển hệ thống ngân hàng, khuyến khích các ngân hàng đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, mở rộng các dịch vụ kinh doanh và tiện ích ngân hàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Du lịch: phát triển du lịch theo hướng kết hợp du lịch nhân văn với du lịch sinh thái và du lịch thể thao - giải trí, xây dựng các khu du lịch trọng điểm: Khu du lịch văn hóa Bửu Long; Khu du lịch nghỉ dưỡng cù lao Hiệp Hòa; Khu du lịch Thác Mai; Khu du lịch vườn quốc gia Cát Tiên; Khu du lịch di tích lịch sử chiến khu Đ.

- Thương mại: phát triển hệ thống bán lẻ ở các đô thị trong tỉnh, xây dựng Trung tâm thương mại có quy mô cấp vùng tại thành phố Biên Hòa và các trung tâm thương mại ở các đô thị Long Khánh, Nhơn Trạch và Long Thành. Xây dựng mạng lưới chợ đầu mối giao dịch hàng hóa và sản phẩm nông sản, chợ xã phục vụ nhu cầu tiêu dùng và tiêu thụ sản phẩm cho nông thôn. Tăng cường hợp tác và xúc tiến thương mại để tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Xây dựng và quảng bá thương hiệu hàng hóa, sản phẩm của địa phương.

4. Khoa học - công nghệ

- Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ quản lý trong các ngành kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển mạng lưới các cơ sở, trung tâm về tư vấn và chuyển giao công nghệ. Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất ở các ngành các cấp.

- Xây dựng khu đô thị công nghệ cao ở Long Thành làm cơ sở để hình thành và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao.

5. Giáo dục - đào tạo

Ưu tiên huy động các nguồn lực hiện có và thu hút đầu tư cho phát triển giáo dục - đào tạo; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục - đào tạo kết hợp với tăng cường xây dựng hệ thống trường lớp, đầu tư hoàn chỉnh trang thiết bị dạy học nhất là thiết bị công nghệ thông tin trong nhà trường và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên công lập để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về giáo dục - đào tạo; từng bước nâng tầm giáo dục và đào tạo ở Tỉnh tiếp cận với trình độ quốc tế và vươn lên ngang hàng khu vực vào giai đoạn 2010 - 2015.

- Giáo dục mầm non: khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, kiên cố hóa trường mầm non, xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 25% đến năm 2010. Huy động trẻ em trong độ tuổi đi nhà trẻ đến lớp đạt trên 20%, 35% và 50% vào năm 2010, 2015 và 2020; trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến lớp đạt 100% vào giai đoạn 2016 - 2020.

- Giáo dục phổ thông: giữ vững kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đồng thời tiến đến đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và phổ cập bậc trung học vào năm 2010. Huy động các em trong độ tuổi đi học phổ thông đến trường đạt 100% vào năm 2015. Đến năm 2010, kiên cố hóa 100% cơ sở trường, lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đạt 50% số trường tiểu học, 40% số trường trung học cơ sở và 80% số trường trung học phổ thông.

- Giáo dục chuyên nghiệp: đẩy mạnh phát triển giáo dục chuyên nghiệp, nâng tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng và đại học đạt trên 15% vào năm 2015 và trên 18% vào năm 2020. Nâng trường Cao đẳng sư phạm thành trường Đại học Cộng đồng, trường Trung học Y tế, Trung học Kỹ thuật công nghiệp, Trung học Văn hóa